

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 51



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thuỷ lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11/6/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai Tổng Công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thuỷ lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thuỷ lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng - Nông nghiệp và Thuỷ lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi do thay đổi ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 09 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 66.742.798
- Fax : 024 38.615.706

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thu Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Tam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Đỗ Mạnh Cuồng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Phạm Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2025
Ông Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thu Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị: *Lê Văn An*



Lê Văn An

Ngày 22 tháng 10 năm 2025

Số: 2.0007/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 22 tháng 10 năm 2025, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Một số khoản công nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu khác và tạm ứng) và công nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả khác, vay) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 lần lượt là 142.802.808.377 VND và 103.322.148.994 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đánh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc
Người được ủy quyền
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		625.557.938.174	630.718.328.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.717.242.363	60.446.372.606
1. Tiền	111		19.463.080.363	25.677.394.209
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.254.162.000	34.768.978.397
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.400.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.612.350.734	286.799.880.292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	222.610.183.342	223.798.306.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	76.002.492.968	73.600.228.844
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.315.424.173	2.315.424.173
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	96.330.991.856	93.753.871.002
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(106.990.866.805)	(107.012.075.039)
8. Tài sản thiêu chò xử lý	139	V.8	344.125.200	344.125.200
IV. Hàng tồn kho	140		281.222.481.605	258.436.919.767
1. Hàng tồn kho	141	V.9	281.280.553.205	258.494.991.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(58.071.600)	(58.071.600)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.605.863.472	25.035.155.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	3.691.381.313	2.867.726.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.847.915.838	22.066.037.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	66.566.321	101.391.060
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kê toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.147.757.051.379	3.151.548.133.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.285.662.000	4.830.684.382
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.12	-	2.545.022.382
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.285.662.000	2.285.662.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.669.989.248.887	1.746.071.141.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.669.989.248.887	1.746.071.141.771
<i>Nguyên giá</i>	222		2.886.174.434.878	2.885.604.360.804
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.216.185.185.991)	(1.139.533.219.033)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	2.665.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.665.500.000)	(2.665.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.286.020.693.827	1.202.183.701.548
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	2.667.132.701	2.482.078.207
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	1.283.353.561.126	1.199.701.623.341
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		175.394.988.541	183.759.201.887
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	191.721.876.865	189.115.740.399
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10.628.443.866	10.628.443.866
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(26.955.332.190)	(15.984.982.378)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.066.458.124	14.703.404.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	7.475.822.317	7.519.644.978
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.23a	6.590.635.807	7.183.759.119
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.773.314.989.553	3.782.266.461.761

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.915.284.137.227	2.947.234.908.443
I. Nợ ngắn hạn	310		802.524.277.004	1.159.980.314.049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	72.159.397.945	84.161.215.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	266.125.789.169	265.305.586.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	15.365.978.070	19.081.980.073
4. Phải trả người lao động	314		7.645.643.752	10.045.721.490
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	45.425.571.520	42.502.492.448
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	769.711.272	64.174.061
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	94.762.740.516	79.548.252.524
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	272.008.716.264	629.600.712.625
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	28.260.728.496	29.670.178.496
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.112.759.860.223	1.787.254.594.394
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	117.600.183.566	116.333.622.814
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.32	68.394.820.664	68.394.820.664
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	148.859.254.000	148.859.254.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1.759.134.951.277	1.434.074.583.876
9. Trái phiếu chuyên đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23b	18.770.650.716	19.592.313.040
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP
 Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		858.030.852.326	835.031.553.318
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	852.046.044.848	829.046.745.840
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(54.331.026.750)	(54.331.026.750)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.368.515.974	50.368.515.974
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		339.291.089.421	318.480.530.909
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		306.706.430.909	318.480.530.909
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		32.584.658.512	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		301.717.466.203	299.528.725.707
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.773.314.989.553	3.782.266.461.761

Lập, ngày 22 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Người lập biểu

Lê Thu Huyền

Kế toán trưởng

Lê Thu Huyền

Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	188.364.361.968	175.700.134.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		188.364.361.968	175.700.134.139
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97.782.116.880	101.590.262.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.582.245.088	74.109.871.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.145.804.054	11.208.170.465
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	55.287.123.675	67.479.144.992
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.115.583.894	58.446.534.993
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	13.055.913.966	11.884.903.242
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.712.816.161	20.087.031.102
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.784.023.272	9.636.769.133
12. Thu nhập khác	31	VI.6	144.444.352	2.892.099.592
13. Chi phí khác	32	VI.7	374.723.579	2.303.403.380
14. Lợi nhuận khác	40		(230.279.227)	588.696.212
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.553.744.045	10.225.465.345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	2.817.676.798	2.879.542.037
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52	VI.7	(228.539.012)	2.611.145.069
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.964.606.259	4.734.778.239
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.24	32.584.658.512	15.733.801.377
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.24	3.379.947.747	(10.999.023.138)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.682	812
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.682	812

Lập, ngày 22 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thu Huyền

Lê Thu Huyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.553.744.045	10.225.465.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	76.651.966.958
- Các khoản dự phòng	03	V.7	10.949.141.578
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(7.653.510.516)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(13.548.206.717)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	44.115.583.894
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	149.068.719.242	129.761.632.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.136.176.341	561.162.810.373
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.970.616.332)	(23.437.433.363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.315.149.263	(454.530.890.107)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(779.831.696)	(372.554.544)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(41.329.064.874)	(61.860.286.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(4.562.892.740)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.409.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	104.468.189.204	145.306.008.937
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(85.045.728.010)	(58.163.441.107)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.903.795.000)	(1.903.795.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	503.795.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	18.855.200.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	483.414.537	2.413.313.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.962.313.473)	(36.894.927.894)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.400.000.000	2.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	416.447.179.004	92.537.120.650
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(464.659.093.741)	(182.572.900.974)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.423.488.000)	(9.393.752.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.235.402.737)	(96.929.532.324)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(30.729.527.006)	11.481.548.719
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	60.446.372.606	18.840.674.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		396.763	5.239.196
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	29.717.242.363	30.327.462.355

Lập, ngày 22 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Lê Thu Huyền

Kế toán trưởng

Lê Thu Huyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 8 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 7 Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này (Xem Thuyết minh I.5a). Công ty TNHH Thủy điện Bản Mồng đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động, Công ty mẹ chưa góp vốn. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong kỳ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực (*)	Khu phố Xuân Lai, xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%
Công ty TNHH Thủy điện Bản Mồng (**)	Bản Mồng, xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện			

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các Công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi (*)	Tổ 1, xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	45,54%	45,54%	53,66%
Công ty Cổ phần Điện Tái tạo AHP (*)	Số 215 đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	40,00%	40,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Vũ Quang	Tổ dân phố 1, xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần TREs Miền Trung (*)	Tổ 1, xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng rừng và chăm sóc rừng	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bản Chǎn Nǎn, xã Con Chi Khê	Bản Chǎn Nǎn, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51,00%	51,00%	51,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Khu 2, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Số 120 đường 2 tháng 9, phường Phú Bài, thành phố Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi (Hà Nội - Hà Đông), phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	37,99%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 (*)	220 bis Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	37,97%
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân golf Hòa Bình -Geleximco, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông (*)	Tô dân phố Plei Pyang, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	39,77%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (*)	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	47,55%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	19A ngách 61 ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Nhập khẩu thiết bị cho các Dự án Thủy điện	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty Cổ phần Agreeonsteel – Việt Nam	Số 19A ngách 61 ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

(*) Một số Công ty có tỷ lệ lợi ích nhỏ hơn tỷ lệ quyền biểu quyết do có các cá nhân ủy thác đầu tư và Công ty mẹ được hưởng quyền biểu quyết (Xem thuyết minh V.20b).

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi, do các cổ đông không kiểm soát chưa góp đủ phần vốn theo cam kết góp nên tỷ lệ vốn góp theo cam kết góp, tỷ lệ vốn góp theo số vốn thực góp tại ngày 30/06/2025 lần lượt là 45,54% và 47,22%

(**) Đến thời điểm 30/06/2025, Tổng Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Bản Mồng.

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (*)	Km0+700 đường Xiêng Khoảng, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 25 (*)	Tổ 21 Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (*)	Bản Chuồng, xã Lục Hồn, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo (*)	Km 18 Quốc Lộ 5A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%

(*) Công ty mẹ không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty trên để phục vụ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mồng chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mồng được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.14).

Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP, Công ty Cổ phần Thủy điện Vũ Quang và Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các Công ty con khác và Công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 25 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có 342 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 368 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phân sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thắt cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thắt đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5
Tài sản cố định khác	2 – 8

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỒ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.603.622.894	6.801.960.113
Tiền gửi ngân hàng	13.859.457.469	18.875.434.096
Các khoản tương đương tiền	10.254.162.000	34.768.978.397
Cộng	29.717.242.363	60.446.372.606

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

- 2a. Đầu tư năm gửi đến ngày đáo hạn
Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,5%/năm, có giá trị ghi số bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

Các công ty được phản ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Công	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Số cuối kỳ Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Công	Công	Công	Cộng
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	22.080.000.000	(5.236.301.337)	16.843.698.663	22.080.000.000	(6.884.239.026)	15.195.760.974			
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.439.680.000	(868.473.063)	1.571.206.937	2.439.680.000	(868.473.063)	1.571.206.937			
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	6.028.780.000	3.744.585.969	9.773.365.969	6.028.780.000	3.744.585.969	9.773.365.969			
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.079.880.000	1.530.642.416	8.610.522.416	7.079.880.000	1.426.963.131	8.506.843.131			
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	7.661.900.000	1.168.745.702	8.830.645.702	7.661.900.000	1.693.559.659	9.355.459.659			
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	5.695.000.000	8.572.159.118	14.267.159.118	5.695.000.000	8.535.368.855	14.230.368.855			
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	4.000.000.000	(252.858.836)	3.747.141.164	4.000.000.000	(252.858.836)	3.747.141.164			
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đô Thành	2.600.000.000	423.406.713	3.023.406.713	2.600.000.000	423.406.713	3.023.406.713			
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	7.262.400.000	28.259.522.533	35.521.922.533	7.262.400.000	29.134.268.249	36.396.668.249			
Công ty Cổ phần Đaksrông	-	-	-	1.796.036.596	-	1.796.036.596			
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	14.266.330.000	35.026.381.816	49.292.711.816	14.266.330.000	33.482.101.434	47.748.431.434			
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	1.200.000.000	133.437.246	1.333.437.246	1.200.000.000	133.437.246	1.333.437.246			
Công ty Cổ phần Agrimeco & JFE	22.125.000.000	(12.400.491.787)	9.724.508.213	22.125.000.000	(13.073.500.307)	9.051.499.693			
Các công ty được phản ánh theo phương pháp Giá gốc									
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	-	7.236.191.473	7.236.191.473	-	7.236.191.473			
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	4.203.700.000	-	4.203.700.000	4.203.700.000	-	4.203.700.000			
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.796.036.596	-	1.796.036.596	-	-	-			
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	9.113.853.216	-	9.113.853.216	-	-	-			
Công	131.588.751.285	60.133.125.580	191.721.876.865	131.588.751.285	57.526.989.114	189.115.740.399			

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	878.360	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	766.190	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	759.334	28,95%
Công ty Cổ phần Thủy điện tái tạo Hòa Bình	400.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	2.915.640	38,57%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.426.633	44,77%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	680.000	34,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	-	50,00%



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các Công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cô túc, lợi nhuận được chia trong kỳ	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Điều chỉnh khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	15.195.760.974	1.647.937.689	-	-	-	16.843.698.663
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	1.571.206.937	-	-	-	-	1.571.206.937
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	9.773.365.969	-	-	-	-	9.773.365.969
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.506.843.131	77.715.084	-	-	-	8.610.522.416
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	9.355.459.659	(9.538.518)	(516.020.000)	-	744.561	8.830.645.702
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	14.230.368.855	44.170.319	-	-	(7.380.056)	14.267.159.118
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình (ii)	3.747.141.164	-	-	-	-	3.747.141.164
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	3.023.406.713	-	-	-	-	3.023.406.713
Công ty Cổ phần Đalkströmg	36.396.668.249	8.229.596.427	(7.919.184.000)	(1.189.416.721)	4.258.578	35.521.922.533
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	47.748.431.434	4.237.850.738	(2.014.573.500)	(678.996.856)	-	49.292.711.816
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	1.333.437.246	-	-	-	-	1.333.437.246
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	6.832.369.090	-	-	-	-	6.832.369.090
Công ty TNHH Sàn phẩm Thép Agrimeco & JFE	9.051.499.693	673.008.520	-	-	-	9.724.508.213
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (i)	7.236.191.473	-	-	-	-	7.236.191.473
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 (i)	4.203.700.000	-	-	-	-	4.203.700.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (i)	1.796.036.596	-	-	-	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo (i)	9.113.853.216	-	-	-	-	9.113.853.216
Cộng	189.115.740.399	14.900.740.259	(10.449.777.500)	(1.868.413.577)	23.587.284	191.721.876.865

(i) Các Công ty đang tạm ngừng hoạt động nên không có kết quả kinh doanh trong kỳ.

(ii) Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty liên kết sau hiện đang ngừng hoạt động:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh.
- Công ty Cổ phần Xây dựng 25
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 24.

Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các Công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các Công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng			
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	17.466.200	17.466.200	282.128.496
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi			
Giảm vốn tại công ty liên kết	-	-	1.695.200.000
Trong đó: Phần vốn của cá nhân ủy thác	-	-	1.695.200.000
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	766.190.000	766.190.000	766.190.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	250.170.000	250.170.000	250.170.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276			
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	1.932.847.331	1.932.847.331	2.929.867.607
Trả gốc vay Công ty liên kết	-	-	14.538.955.066
Chi phí lãi vay đã trả Công ty liên kết	-	-	2.929.867.607
Công ty Cổ phần Đaksrông			
Giảm vốn tại Công ty liên kết	-	-	19.437.600.000
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	8.163.792.000	8.163.792.000	12.148.500.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	244.608.000	244.608.000	364.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện			
Giảm vốn tại Công ty liên kết	-	-	625.970.000
Trong đó: Phần vốn của cá nhân ủy thác	-	-	625.970.000
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.139.949.500	2.139.949.500	2.139.949.500
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	125.376.000	125.376.000	125.376.000
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE			
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	2.571.690.018	2.571.690.018	5.167.158.186
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu			
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	148.000.000	148.000.000	1.420.961.240
Lãi vay phải thu Công ty liên kết	-	-	167.720.863

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 2.915.640 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 (Xem thuyết minh V.21a).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(1.209.200.000)	1.723.110.000	(1.148.740.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II (*)	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	206.666.690	-	206.666.690	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam (*)	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động (*)	384.317.176	-	384.317.176	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18 (*)	600.000.000	(347.700.905)	600.000.000	(347.700.905)
Cộng	10.628.443.866	(4.605.550.905)	10.628.443.866	(4.545.090.905)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý tại 30/6/2025	Giá trị hợp lý tại 31/12/2024
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam)	302.300	513.910.000	574.370.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex)	35.280	899.640.000	945.504.000

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2d. Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- (*) Đơn vị nhận vốn góp trên không thực hiện lập/không cung cấp báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong đó Công ty Cổ phần Xây dựng 25, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Do đó tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty thực hiện xem xét dự phòng dựa trên số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do các đơn vị nhận góp vốn lập và cung cấp.

Đối với các khoản đầu tư còn lại được xem xét dự phòng dựa trên số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của đơn vị tự lập/đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	15.984.982.378	90.431.113.976
Trích lập dự phòng bổ sung	60.460.000	-
Điều chỉnh khác (**)	10.909.889.812	(74.290.868.503)
Số cuối kỳ (**)	26.955.332.190	16.140.245.473

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Trong đó, số dự phòng cho các khoản góp vốn vào đơn vị khác 4.605.550.905 VND, số dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24, Công ty Cổ phần Xây dựng 25, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo và Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh) là 22.349.781.285 VND. Phần điều chỉnh khác trong năm 2025 là chi phí dự phòng của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo và Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh do dừng áp dụng hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2e. Cam kết về thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn

Theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 02 tháng 4 năm 2021, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đã chuyển tiền ứng trước một phần giá trị hợp đồng (xem thuyết minh V.16b). Theo thỏa thuận hợp đồng cũng như phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 12 năm 2024, các bên sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vào ngày 01 tháng 01 năm 2027. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đang tiếp tục rà soát sổ sách của Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng trước khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại Công ty này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	843.888.627	2.548.221.008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	557.872.514
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	4.547.113	1.708.879.494
Phải thu các khách hàng khác	221.766.294.715	221.250.085.104
Power Machines	100.302.439.899	93.277.004.217
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	84.171.883.737	91.492.622.689
Các khách hàng khác	37.291.971.079	36.480.458.198
Cộng	222.610.183.342	223.798.306.112

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	6.539.245.215	6.539.245.215
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	944.627.012	944.627.012
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	62.641.572	62.641.572
Trả trước cho người bán khác	69.463.247.753	67.060.983.629
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm Công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Voith Hydro Private Limited	6.901.401.792	12.684.427.160
Công ty TNHH LIFTEC Việt Nam	6.066.367.850	5.502.193.252
Các nhà cung cấp khác	39.336.185.181	31.715.070.287
Cộng	76.002.492.968	73.600.228.844

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	815.424.173	815.424.173
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (lãi suất 6%/năm)	815.424.173	815.424.173

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Thuận Phát vay (lãi suất 8%/năm)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.315.424.173	2.315.424.173

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	27.384.616.987	(5.921.984.233)	24.918.477.487	(5.921.984.233)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	16.327.956.045	(1.700.000.000)	16.327.956.045	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.565.101.877	(3.800.000.000)	4.565.101.877	(3.800.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.525.286.540	-	3.525.286.540	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thuỷ lợi	374.296.450	-	8.106.450	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	30.042.342	-	70.042.342	-
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	295.965.481	(295.965.481)	295.965.481	(295.965.481)
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - phải thu cổ tức	2.139.949.500	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	68.946.374.869	(12.161.526.799)	68.835.393.515	(12.182.735.033)
Tạm ứng	36.125.160.786	(6.849.655.109)	35.132.119.401	(6.870.863.343)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	803.168.196	(244.141.629)	714.465.816	(244.141.629)
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mồng	4.302.999.187	-	4.302.999.187	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.099.172.763	(5.067.730.061)	20.069.935.174	(5.067.730.061)
Cộng	96.330.991.856	(18.083.511.032)	93.753.871.002	(18.104.719.266)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Vũ Quang	1.123.227.000	1.123.227.000
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Nhà quản lý điều hành - Dự án Thủy điện Ngàn Trươi	1.152.435.000	1.152.435.000
Ký cược, ký quỹ khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	2.285.662.000	2.285.662.000

- (i) Là khoản kí quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mồng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận kí quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHD/T ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	6.576.665.951	(6.576.665.951)	6.576.665.951	(6.576.665.951)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	295.965.481	(295.965.481)	295.965.481	(295.965.481)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủ lợi Sông Hồng	4.173.212.718	(4.173.212.718)	4.173.212.718	(4.173.212.718)
Các tổ chức và cá nhân khác	123.589.343.658 (100.414.200.854)		123.610.551.892 (100.435.409.088)	
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	1.184.062.138	(1.184.062.138)
Power Machines	90.648.281.480	(68.001.097.318)	90.648.281.480	(68.001.097.318)
Tạm ứng	7.356.634.856	(6.849.655.109)	7.377.843.090	(6.870.863.343)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	24.400.365.184	(24.379.386.289)	24.400.365.184	(24.379.386.289)
Cộng	130.166.009.609 (106.990.866.805)		130.187.217.843 (107.012.075.039)	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	107.012.075.039	88.342.585.103
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.864.767.490
Hoàn nhập dự phòng	(21.208.234)	-
Số cuối kỳ	106.990.866.805	90.207.352.593

8. Tài sản thiêu chờ xử lý

Là khoản tiền mặt tại Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương thiêu chờ xử lý.

9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.914.699.764	(58.071.600)	34.022.249.598	(58.071.600)
Công cụ, dụng cụ	2.154.434.491	-	2.136.813.128	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.866.343.857	-	181.990.853.548	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	38.023.429.062	-	38.023.429.062	-
Cộng	281.280.553.205 (58.071.600)		258.494.991.367 (58.071.600)	

10. Chi phí trả trước

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	191.185.247	103.341.297
Chi phí bảo hiểm	1.248.268.067	749.066.518
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.251.927.999	2.015.319.141
Cộng	3.691.381.313	2.867.726.956

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.540.983.846	2.089.166.615
Chi phí sửa chữa	892.272.741	1.486.851.957
Tiền thuê đất trả trước	2.413.993.364	2.481.360.620
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.628.572.366	1.462.265.786
Cộng	7.475.822.317	7.519.644.978

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bi	Phuromtien vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Công
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.024.128.868.608	1.506.612.158.132	348.996.813.161	933.738.575	4.932.782.327	2.885.604.360.804
Mua trong năm	324.074.074	-	-	246.000.000	-	570.074.074
Số cuối kỳ	<u>1.024.452.942.682</u>	<u>1.506.612.158.132</u>	<u>348.996.813.161</u>	<u>1.179.738.575</u>	<u>4.932.782.327</u>	<u>2.886.174.434.878</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	54.123.437.743	114.952.344.590	227.943.215.468	778.685.455	524.706.613	398.322.389.869
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	262.266.824.782	632.953.820.439	241.786.423.605	862.361.007	1.663.789.200	1.139.533.219.033
Khấu hao trong kỳ	16.160.615.893	46.337.377.250	13.839.416.539	30.236.929	284.320.347	76.651.966.958
Số cuối kỳ	<u>278.427.440.675</u>	<u>679.291.197.689</u>	<u>255.625.840.144</u>	<u>892.597.936</u>	<u>1.948.109.547</u>	<u>1.216.185.185.991</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	761.862.043.826	873.658.337.693	107.210.389.556	71.377.568	3.268.993.127	1.746.071.141.771
Số cuối kỳ	<u>746.025.502.007</u>	<u>827.320.960.443</u>	<u>93.370.973.017</u>	<u>287.140.639</u>	<u>2.984.672.780</u>	<u>1.669.989.248.887</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.668.935.101.081 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí đầu tư vùng nguyên liệu giống tre Dendrocalamus Giganteus sinh khối tại Công ty Cổ phần TREs Miền Trung (Công ty con).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.199.701.623.341	83.219.703.566	1.282.921.326.907
Công trình Thủy điện Bản Mồng	1.140.846.170.851	36.004.600.461	1.176.850.771.312
Dự án Năng lượng Công nghệ cao	5.405.208.389	2.438.627.097	7.843.835.486
Công trình Thủy điện Vũ Quang	52.415.977.856	40.262.505.308	92.678.483.164
Dự án thí điểm Điện mặt trời trên kênh	-	4.513.970.700	4.513.970.700
Công trình khác	1.034.266.245	-	1.034.266.245
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	432.234.219	432.234.219
Cộng	1.199.701.623.341	83.651.937.785	1.283.353.561.126

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tại Công trình Thủy điện Bản Mồng, Công trình Thủy điện Vũ Quang lần lượt là 27.859.250.981 VND và 1.792.631.770 VND (cùng kỳ năm trước là 31.256.300.744 VND và 0 VND).

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Bản Mồng và Thủy điện Ngàn Trươi đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1.

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Vũ Quang đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh.

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	12.216.155.899	16.661.211.442
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	830.385.955	3.375.408.337
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	8.365.766.450	8.365.766.450
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	765.101.877	765.101.877
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	216.985.213	216.985.213
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	-	374.944.695
Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	1.937.916.404	3.463.004.870
Phải trả các nhà cung cấp khác	59.943.242.046	67.500.004.209
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	29.351.809.960	29.351.809.960
Các nhà cung cấp khác	30.591.432.086	38.148.194.249
Cộng	72.159.397.945	84.161.215.651

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.050.228.879	23.119.298.279
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.221.642.825	4.221.642.825
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.491.695.849	2.560.765.249
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	6.363.063.645	6.363.063.645
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.973.826.560	9.973.826.560
Phải trả các nhà cung cấp khác	96.549.954.687	93.214.324.535
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	32.082.217.519	32.082.217.519
Các nhà cung cấp khác	64.467.737.168	61.132.107.016
Cộng	117.600.183.566	116.333.622.814

16. Người mua trả tiền trước

16a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	2.276.920.535	227.701.794
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	245.920.535	227.701.794
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	2.031.000.000	
Trả trước của các khách hàng khác	263.848.868.634	265.077.884.887
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	249.316.311.764	249.316.311.764
Các khách hàng khác	14.532.556.870	15.761.573.123
Cộng	266.125.789.169	265.305.586.681

16b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Là khoản tiền trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết). Ngày 01/12/2024, hai bên đã ký phụ lục Hợp đồng số 01 về việc gia hạn thời gian hoàn tất chuyển nhượng cổ phần đến ngày 01/01/2027.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.543.681.225	30.967.165	12.743.557.124	(13.523.693.300)	2.795.269.205	62.691.321
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.921.718.763	(1.921.718.763)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	372.491.568	(372.491.568)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.515.832.460	875.000	2.801.143.223	(4.562.892.740)	2.754.082.943	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	742.240.609	66.548.895	919.672.778	(1.340.154.000)	255.210.492	-
Thuế tài nguyên	3.474.766.427	-	15.907.579.801	(15.144.394.321)	4.237.951.907	-
Thuế nhà đất	-	-	2.689.305	(2.689.305)	-	-
Tiền thuê đất	397.829.450	-	1.545.118.978	(158.767.330)	1.784.181.098	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	2.288.000	(2.288.000)	-	-
Phí môi trường rừng	4.161.250.980	-	3.323.308.752	(6.191.918.496)	1.292.641.236	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	2.021.395.000	(2.021.395.000)	-	-
Lệ phí môn bài	1.000.000	3.000.000	28.000.000	(28.000.000)	1.000.000	3.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.245.378.922	-	137.344.536	(137.082.269)	2.245.641.189	-
Cộng	19.081.980.073	101.391.060	41.726.307.828	(45.407.485.092)	15.365.978.070	66.566.321

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong đó, máy móc và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%; hàng hóa, dịch vụ khác tiêu thụ trong nước từ 8 - 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261022000007 ngày 4 tháng 7 năm 2007 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2015 đến năm 2029), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261220000013 ngày 30 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Điện Sông Mực (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2009 đến năm 2024), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Theo quy định tại điểm 1 khoản 1 điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, khoản 1 điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ và điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2022 đến năm 2036), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2022 đến năm 2025) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 27111000011 ngày 5 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất điện tại công trình thủy điện Chi Khê với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2018), được miễn thuế tối đa không quá 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án (từ năm 2021 đến 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến 2034).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo quy định.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Các Công ty con phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 2.103,1159 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phí dịch vụ môi trường rừng

Các Công ty con phải nộp Phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND /KWh x Sản lượng.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Các Công ty con phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho hoạt động thủy điện theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Lãi vay phải trả)	15.882.546.382	15.832.741.967
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	11.955.409.218	12.964.309.447
Lê Bích Hạnh	3.430.882.754	2.272.218.672
Lê Thu Hoài	111.722.082	34.121.435
Nguyễn Trung Hiếu	384.532.328	562.092.413
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	29.543.025.138	26.669.750.481
Chi phí lãi vay phải trả	11.936.572.318	9.199.857.713
Trích trước chi phí công trình	13.658.367.476	13.287.265.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.948.085.344	4.182.627.350
Cộng	45.425.571.520	42.502.492.448

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan	16.814.183	64.174.061
Công ty TNHH Điện Sông Mực	16.814.183	64.174.061
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	752.897.089	-
Công ty cổ phần 27-7 Hồng Quang	752.897.089	-
Cộng	769.711.272	64.174.061

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.069.779.269	4.941.931.938
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	666.000.000	471.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	381.928.018	381.928.018
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.654.371.478	1.654.371.478
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	3.562.800.601	1.629.953.270
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	87.692.961.247	74.606.320.586
Kinh phí công đoàn	1.598.102.317	1.437.451.907
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	404.577.534	188.678.405
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.979.663.145	11.339.663.145
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.710.618.251	61.640.527.129
Cộng	94.762.740.516	79.548.252.524

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	134.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mồng	134.400.000.000	134.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.459.254.000	14.459.254.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	4.907.140.000	4.907.140.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276</i>	<i>1.352.000.000</i>	<i>1.352.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện</i>	<i>835.840.000</i>	<i>835.840.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đaksrông</i>	<i>217.600.000</i>	<i>217.600.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi</i>	<i>2.501.700.000</i>	<i>2.501.700.000</i>
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án thủy điện Bản Mồng	7.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	148.859.254.000	148.859.254.000

21. Vay

21a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan	51.744.530.503	239.528.669.419
Ông Đồng Tuấn Vũ ⁽ⁱ⁾	13.507.928.199	13.507.928.199
Ông Lê Văn An ⁽ⁱ⁾	14.825.043.111	14.825.043.111
Bà Lê Thu Hoài ⁽ⁱⁱ⁾	22.411.559.193	21.646.732.682
Ông Lê Tuấn Anh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.000.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Minh Ngọc	-	188.848.965.427
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.499.130.378	26.974.705.383
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 ^(iv)	11.922.546.302	19.916.509.585
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Lê Đại Hành ^(v)	2.576.584.076	7.058.195.798
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vi)	4.940.714.000	4.940.714.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.21b)	200.824.341.383	358.156.623.823
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	122.727.500.000	152.502.500.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc ^(vii)	78.096.841.383	205.654.123.823
Cộng	272.008.716.264	629.600.712.625

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (Công ty con) với lãi suất 7,5%/năm, mục đích thanh toán công nợ tại các gói thầu xây lắp, thời hạn vay 1 năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (Công ty con) với lãi suất 7,5%/năm, mục đích trả nợ khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Hà Nội, thời hạn vay 1 năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY CỔ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay tại Công ty Cổ phần TREs Miền Trung (Công ty con) theo Hợp đồng vay số 0108/2024/HĐVV/TRES-LTA ngày 01 tháng 08 năm 2024 và Hợp đồng vay số 0106/2025/HĐVV/TRES-LTA ngày 01 tháng 06 năm 2025 với lãi suất 7%, mục đích phát triển vùng trồng nguyên liệu tre sinh khối tại tỉnh Quảng Ngãi, thời hạn vay 1 năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức năm 2024 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 490 tỷ VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 2.915.640 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông, có giá trị thế chấp là 29.156.400.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Lê Đại Hành theo Thư cấp Hạn mức Tín dụng số tham chiếu BFI-BB/24-27 ngày 18/07/2024 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 15.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng giấy nhận nợ cụ thể.
- (vi) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay dưới 12 tháng.
- (vii) Công ty Thủy điện Chi Khê (Công ty con) đã ký phụ lục gia hạn hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc theo phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/MN-CK ngày 03 tháng 1 năm 2025, khoản vay được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2025.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	239.528.669.419	26.974.705.383	4.940.714.000	358.156.623.823	629.600.712.625
Số tiền vay phát sinh trong năm	300.000.000	24.825.561.603	-	-	25.125.561.603
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	48.751.250.000	48.751.250.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(203.764.424.693)	(37.301.136.608)	-	(206.083.532.440)	(447.149.093.741)
Lãi vay nhập gốc	15.680.285.777	-	-	-	15.680.285.777
Số cuối kỳ	51.744.530.503	14.499.130.378	4.940.714.000	200.824.341.383	272.008.716.264

21b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	100.874.018.345	98.884.018.345
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	49.861.044.934	49.861.044.934
Bà Lê Bích Hạnh ⁽ⁱⁱ⁾	30.027.904.110	30.027.904.110
Bà Lê Thu Hoài ⁽ⁱⁱ⁾	10.670.000.000	8.680.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu ⁽ⁱⁱ⁾	10.315.069.301	10.315.069.301
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.629.104.812.082	1.298.534.444.681
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.562.584.673.854	1.254.864.216.722
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh ^(iv)	66.520.138.228	43.670.227.959

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	29.156.120.850	36.656.120.850
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	1.256.120.850	1.256.120.850
Bà Ngô Thị Thanh Thủy ⁽ⁱⁱ⁾	6.500.000.000	6.500.000.000
Ông Phan Minh Anh ⁽ⁱⁱ⁾	-	7.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	1.759.134.951.277	1.434.074.583.876

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Các khoản vay của tổ chức là bên liên quan, để phục vụ sản xuất kinh doanh và góp vốn vào các dự án đầu tư. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từ 4,2% đến 7,95%/năm, thời hạn vay từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất từ 3,5% đến 8,8%/năm thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.

(iii) **Tại Công ty mẹ:** Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng vay năm 2019 để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Mồng. Thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/9/2019), trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 27 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau + margin 3,5% và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi vay trong thời gian ân hạn được nhập gốc, hết thời gian ân hạn sẽ thanh toán hàng quý. Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 03/12/2021, ngày thanh toán gốc đầu tiên là 05/12/2021. Trước hoặc trong ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án chưa phát sinh doanh thu, kỳ hạn trả nợ 03 tháng/lần với số thanh toán tối thiểu là 50.000.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản liên quan đến Dự án được hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi (Công ty con): Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/14656488/2021/HĐTD-NGANTRUOI ngày 25 tháng 06 năm 2021. Mục đích sử dụng vốn vay là để trả nợ trước hạn đối với dư nợ vay, số dư L/C Dự Án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Ba Đình và cho vay để thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ cho việc thực hiện Dự Án (Chi phí khác chi phí VCB đã cấp tín dụng). Trong thời hạn rút vốn, Bên cho vay cấp cho bên vay các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 405.000.000.000 VND (Bốn trăm linh năm tỷ đồng) (Bao gồm cả lãi vay trong thời gian xây dựng, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán) nhưng không được vượt quá 70% Tổng vốn đầu tư được phê duyệt sau VAT của Dự Án. ("Tổng vốn đầu tư được phê duyệt" là tổng vốn đầu tư Dự án sau VAT bằng 578.911.000.000 VND). Thời hạn vay:

a, Đối với khoản vay để trả nợ trước hạn khoản vay, số dư L/C Dự án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình: Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/11/2021, nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ thời điểm Dự Án phát sinh doanh thu; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/11/2030.

b, Đối với phần giải ngân khác mục a nêu trên: Thời hạn vay theo hợp đồng này là 144 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời hạn ân hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên nhưng không muộn hơn 03 tháng kể từ ngày Dự án phát điện 4 tổ máy.

Lãi suất cho vay áp dụng cố định 7,6% trong hai năm đầu kể từ ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần vào ngày làm việc đầu tiên của Quý I và Quý III hàng năm, được xác định bằng Lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng dân cư 12 tháng trả lãi sau của BIDV cộng với margin 2,6%/năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo gồm:

- Thể chấp quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án, quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện, quyền đòi nợ từ Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên Vay liên quan đến Dự Án theo hợp đồng thể chấp bất động sản, Hợp đồng thể chấp động sản và quyền tài sản.
- Thể chấp toàn bộ cổ phần/vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc.
- Thể chấp toàn bộ cổ phần/vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung.
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của bên cho vay.

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (Công ty con): Khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/2024/5336694/HĐTD ngày 05 tháng 09 năm 2024, mục đích trả nợ trước hạn đối với Ngân hàng Sumitomo và vay bù đắp tài chính của Công ty, tổng hạn mức không vượt quá 800.000.000.000 VND.

Thời hạn vay như sau:

- Đối với khoản vay nợ trước hạn Sumitomo: Đến hết ngày 16/09/2026, lịch trả nợ tương ứng với lịch trả nợ tại Ngân hàng Sumitomo
- Đối với phần vay bù đắp tài chính: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay là 6,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tất cả các công trình gắn liền với khu đất xây dựng nhà máy.

(iv)

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Vũ Quang (Công ty con): Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo hợp đồng số 01/2024/18997716/HĐTD ngày 10 tháng 05 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Thủy điện Vũ Quang. Trong thời hạn rút vốn, Bên cho vay cấp cho bên vay các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 123.800.000.000 VND (Một trăm hai mươi ba tỷ tám trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn đối với khoản vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay áp dụng cố định 6,5% trong hai năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần được xác định bằng Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV (dành cho khách hàng cá nhân) cộng với margin 2,0%/năm.

Tài sản đảm bảo gồm:

- Thể chấp quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự án, các Công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án: quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ các khoản bồi thường thiệt hại liên quan đến Dự án, Hợp đồng bán điện, quyền đòi nợ từ Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên Vay liên quan đến Dự Án theo hợp đồng thể chấp bất động sản, Hợp đồng thể chấp động sản và quyền tài sản và tài sản khác.
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của bên cho vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số cuối kỳ	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm (*)
Vay dài hạn bên liên quan	178.970.859.728	78.096.841.383	100.874.018.345	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.751.832.312.082	122.727.500.000	735.753.095.360	893.351.716.722
Vay dài hạn các tổ chức khác	29.156.120.850	-	29.156.120.850	-
Cộng	1.959.959.292.660	200.824.341.383	865.783.234.555	893.351.716.722

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm (*)
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	304.538.142.168	205.654.123.823	98.884.018.345	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.451.036.944.681	152.502.500.000	284.182.727.959	1.014.351.716.722
Vay dài hạn các tổ chức khác	36.656.120.850		- 36.656.120.850	-
Cộng	1.792.231.207.699	358.156.623.823	419.722.867.154	1.014.351.716.722

(*) Sau ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án Thủy điện Bản Mồng chính thức đi vào vận hành và phát sinh doanh thu, Tổng Công ty và Bên cho vay sẽ lập lịch trả nợ cụ thể.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	98.884.018.345	1.298.534.444.681	36.656.120.850	1.434.074.583.876
Số tiền vay phát sinh trong năm	12.000.000.000	379.321.617.401	-	391.321.617.401
Số tiền vay đã trả trong năm	(10.010.000.000)		- (7.500.000.000)	(17.510.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(48.751.250.000)	-	(48.751.250.000)
Số cuối kỳ	100.874.018.345	1.629.104.812.082	29.156.120.850	1.759.134.951.277

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	29.670.178.496	26.867.685.241
Chi quỹ	(1.409.450.000)	(1.913.845.000)
Số cuối kỳ	28.260.728.496	24.953.840.241

23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

23a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.183.759.119	2.371.375.887
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(593.123.312)	(366.204.499)
Điều chỉnh khác	-	5.418.168.418
Số cuối kỳ	6.590.635.807	7.423.339.806

23b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời chịu thuế do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	19.592.313.040	4.659.918.816
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(821.662.324)	2.244.940.570
Điều chỉnh khác	-	14.858.173.700
Số cuối kỳ	18.770.650.716	21.763.033.086

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Công
215.000.000.000	(54.331.026.750)	50.368.515.974	347.462.432.766	106.630.009.835	665.129.931.825	
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	15.733.801.377	(10.999.023.138)	4.734.778.239	
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(165.600.000)	(18.400.000)	(184.000.000)	
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	(11.622.900.000)	(2.201.807.488)	(13.824.707.488)	
Chia cổ tức	-	-	(36.530.847.374)	188.322.498.891	151.791.651.517	
Điều chỉnh khác	-	-				
Số dư cuối kỳ trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	50.368.515.974	314.876.886.769	284.233.278.100	810.147.654.093
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	50.368.515.974	318.480.530.909	299.528.725.707	829.046.745.840
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	32.584.6558.512	3.379.947.747	35.964.606.259	
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	(151.200.000)	(16.800.000)	(168.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	(11.622.900.000)	(2.574.407.251)	(14.197.307.251)	
Số dư cuối kỳ này	215.000.000.000	(54.331.026.750)	50.368.515.974	339.291.089.421	301.717.466.203	852.046.044.848

24b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	2.128.500	2.128.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.371.500	19.371.500

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2025 như sau:

VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông : 11.622.900.000

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

25a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông nghiệp phục vụ dự án Vạn Đình có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 2.365.327.532 VND, số đầu năm là 2.365.327.532 VND.

25b. Ngoài tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	874,44	4.554,18
Euro (EUR)	19,11	101,23

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây lắp	6.324.051.700	25.001.877.848
Doanh thu bán điện	180.379.166.054	149.460.381.411
Doanh thu bán hàng hóa	-	18.165.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.661.144.214	1.219.709.280
Cộng	188.364.361.968	175.700.134.139

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các Công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (cùng kỳ năm trước không phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây lắp	6.615.024.316	22.979.038.605
Giá vốn bán điện	91.052.434.664	78.551.312.695
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	8.017.506
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	114.657.900	51.893.813
Cộng	97.782.116.880	101.590.262.619

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
 Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi	403.022.700	496.237.188
Lãi tiền cho vay	89.270.051	5.616.228.780
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.320.178
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.653.510.516	5.018.424.620
Doanh thu tài chính khác	787	73.959.699
Cộng	8.145.804.054	11.208.170.465

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	44.115.583.894	58.446.534.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	2.220.750.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	5.066.250.000
Trích lập dự phòng tồn thất đầu tư	10.970.349.812	-
Lỗ bán chứng chỉ tiền gửi	198.300.173	2.889.796
Chi phí tài chính khác	2.889.796	1.745.609.999
Cộng	55.287.123.675	67.479.144.992

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.348.125.806	12.853.816.906
Chi phí vật liệu quản lý	362.104.919	344.845.159
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.815.855	57.428.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.771.878	443.265.426
Thuế, phí và lệ phí	127.172.472	178.325.022
Dự phòng/(Hỗn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(21.208.234)	1.864.767.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	995.968.238	866.030.745
Các chi phí khác	2.413.065.227	3.478.551.796
Cộng	17.712.816.161	20.087.031.102

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước	47.346.529	15.898.284
Thu nhập từ bồi thường do chậm tiến độ	-	71.544.437
Xử lý công nợ	-	2.703.082.870
Thu nhập khác	97.097.823	101.574.001
Cộng	144.444.352	2.892.099.592

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí điện, nước	46.382.299	55.562.540
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	245.260.268	469.778.162
Chi phí khác	<u>83.081.012</u>	1.778.062.678
Cộng	<u>374.723.579</u>	<u>2.303.403.380</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	32.584.658.512	15.733.801.377
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty mẹ	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty con	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>32.584.658.512</u>	15.733.801.377
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>19.371.500</u>	19.371.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.682</u>	<u>812</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.371.500	19.371.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>19.371.500</u>	<u>19.371.500</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.993.579.094	10.254.955.284
Chi phí nhân công	29.703.290.684	30.407.970.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.651.966.958	77.174.408.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.862.160.526	4.182.215.396
Chi phí khác	<u>25.190.818.978</u>	21.065.494.659
Cộng	<u>138.401.816.240</u>	<u>143.085.044.356</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và sở hữu với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Bà Lê Bích Hạnh - Bên liên quan của thành viên HĐQT

Vay bên liên quan	-	18.560.000.000
Lãi vay phải trả	1.158.664.082	681.120.673

Bà Lê Thu Hoài - Thành viên HĐQT

Vay bên liên quan	12.000.000.000	6.000.000.000
Lãi vay phải trả	1.137.442.564	1.692.434.890
Trong đó lãi vay nhập gốc	764.826.511	288.088.150

Ông Nguyễn Trung Hiếu - Bên liên quan khác

Lãi vay phải trả	411.913.599	211.018.745
------------------	-------------	-------------

Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

Lãi vay phải trả	-	76.098.162
Cổ tức được chia	1.440.900.000	1.440.900.000

Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT

Cổ tức được chia	1.139.257.200	1.139.257.200
Lãi vay phải trả	551.369.755	516.831.361
Trong đó lãi vay nhập gốc	-	490.989.794

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18, V.20a và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Tiền lương	Thù lao	Công thu nhập
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	333.520.453	280.000.000	613.520.453
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	173.536.154	130.000.000	303.536.154
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	228.416.819	60.000.000	288.416.819
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	209.102.272	144.000.000	353.102.272
Bà Lê Thu Hoài - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	225.782.385	120.000.000	345.782.385

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Công thu nhập
Ông Lương Công Thuấn - Phó Tổng Giám đốc	226.676.819	-	226.676.819
Ông Phạm Bảo Long - Phó Tổng Giám đốc	389.805.036	-	389.805.036
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng Ban kiểm soát	71.383.498	118.000.000	189.383.498
Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên Ban kiểm soát	-	109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Văn Tam - Thành viên Ban kiểm soát	125.011.742	30.000.000	155.011.742
Bà Lê Thu Huyền - Kế toán trưởng	190.917.615	46.000.000	236.917.615
Cộng	2.174.152.793	1.037.000.000	3.211.152.793
Kỳ trước			
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	332.925.964	554.043.200	886.969.164
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	178.816.538	125.000.000	303.816.538
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	221.126.423	60.000.000	281.126.423
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	210.131.818	138.000.000	348.131.818
Bà Lê Thu Hoài - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	285.234.562	95.000.000	380.234.562
Ông Lương Công Thuấn - Phó Tổng Giám đốc	227.740.454	-	227.740.454
Ông Phạm Bảo Long - Phó Tổng Giám đốc	394.775.695	-	394.775.695
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng Ban kiểm soát	71.949.910	86.000.000	157.949.910
Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên Ban kiểm soát	-	110.500.000	110.500.000
Ông Nguyễn Văn Tam - Thành viên Ban kiểm soát	119.515.418	30.000.000	149.515.418
Bà Lê Thu Huyền - Kế toán trưởng	157.024.273	47.000.000	204.024.273
Cộng	2.199.241.055	1.245.543.200	3.444.784.255

Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác

	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đaksrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreeensteel – Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc

Vay bên liên quan	-	30.900.000.000
Trả tiền vay bên liên quan	356.471.707.133	11.900.000.000
Lãi vay trong kỳ	13.906.559.036	14.732.464.029
Trong đó Lãi vay nhập gốc	14.915.459.265	17.911.595.531
Cỗ tức được chia	2.866.999.800	2.866.999.800

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.15, V.18, V.20a và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực thủy điện
- Lĩnh vực đầu tư tài chính
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.324.051.700	180.379.166.054	-	1.661.144.214	188.364.361.968
Doanh thu đầu tư tài chính	-	-	89.270.838	-	89.270.838
Giá vốn hàng bán	(6.615.024.316)	(91.052.434.664)	-	(114.657.900)	(97.782.116.880)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	-	-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	13.055.913.966
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(290.972.616)	89.326.731.390	89.270.838	1.546.486.314	90.671.515.926
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(17.712.816.161)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				86.014.613.731	
Doanh thu hoạt động tài chính khác				8.056.533.216	
Chi phí tài chính khác				(55.287.123.675)	
Thu nhập khác				144.444.352	
Chi phí khác				(374.723.579)	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.817.676.798)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					228.539.012
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					35.964.606.259
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	1.155.635.245	85.883.491.719	-	-	87.039.126.964
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	2.632.946.022	75.098.786.373	-	691.598.243	78.423.330.638
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.001.877.848	149.460.381.411	-	1.237.874.880	175.700.134.139
Doanh thu đầu tư tài chính	-	-	5.690.188.479	-	5.690.188.479
Giá vốn hàng bán	(22.979.038.605)	(78.551.312.695)	-	(59.911.319)	(101.590.262.619)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	-	-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	11.884.903.242
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.022.839.243	70.909.068.716	5.690.188.479	1.177.963.561	79.800.059.999
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(20.087.031.102)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					71.597.932.139
Doanh thu hoạt động tài chính khác					5.517.981.986
Chi phí tài chính khác					(67.479.144.992)
Thu nhập khác					2.892.099.592
Chi phí khác					(2.303.403.380)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.879.542.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.611.145.069)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.734.778.239
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	76.200.000	58.087.241.107	-	-	58.163.441.107
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	10.981.807.965	65.648.877.138	-	543.723.328	77.174.408.431

TỔNG CÔNG TY CỔ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Công
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.541.771.237.610	2.030.182.273.867	177.710.412.714	3.749.663.924.191
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				23.651.065.362
Tổng tài sản				<u>3.773.314.989.553</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	662.454.489.782	63.483.861.993	148.859.254.000	874.797.605.775
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.040.486.531.452
Tổng nợ phải trả				<u>2.915.284.137.227</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.511.226.374.508	2.020.377.699.976	186.074.626.060	3.717.678.700.544
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				64.587.761.217
Tổng tài sản				<u>3.782.266.461.761</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	591.774.851.740	64.186.437.126	217.254.074.664	873.215.363.530
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.074.019.544.913
Tổng nợ phải trả				<u>2.947.234.908.443</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 22 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Lê Thu Huyền

Kế toán trưởng

Lê Thu Huyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn An